

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 08 – 02 - 2022  
V/v ly hôn, con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Minh Thịnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Ngọc Trường

Ông Nguyễn Văn Hiền

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 08 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 390/2021/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 444/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991; cư trú tại: Số 12, đường TNĐ, khóm ĐH, phường ĐX, thành phố LX, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn hoàng T1, sinh năm 1985; cư trú tại: Ấp TT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Chị Nguyễn Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Qua quá trình quen biết, tìm hiểu chị T và anh T1 tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện ĐD. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng về quan điểm cá nhân, anh T1 thường xuyên ghen vô cớ. Chị T với anh T1 ly thân từ tháng 7/2017. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh T1.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con tên Nguyễn Hoàng Đăng K, sinh ngày 14/11/2017 hiện đang sống cùng chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và các vấn đề khác: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung với anh Nguyễn Hoàng T1 là vụ kiện tranh chấp ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng anh T1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh T1.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào năm 2017, chị T và anh T1 kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Xét về nguyên nhân mâu thuẫn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo chị T xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, tuy nhiên anh T1 không có ý kiến. Như vậy, những mâu thuẫn do chị T xác định thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ đó, Hội đồng xét xử khẳng định anh T1 không thật sự còn quan tâm hay tha thiết gì đến mối quan hệ hôn nhân với chị T, không có thiện chí phối hợp với Tòa án để giải quyết vụ án.

Xét thấy: Trong cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh T1 đã có những mâu thuẫn không thể hàn gắn được là thực tế có xảy ra. Việc này được thể hiện là chị T và anh T1 đã ly thân trong thời gian dài, cũng như kể ngày chị T nộp đơn yêu cầu ly hôn với anh T1 tại Tòa án thì chị T, anh T1 không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm. Như vậy, Hội đồng xét xử khẳng định hiện nay cả hai không còn tình cảm với nhau, không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử khẳng định mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về quan hệ hôn nhân.

[5] Xét về con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm cháu K đã hơn 04 tuổi, hiện sống chung với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu K, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng, tuy nhiên anh T1 không có ý kiến về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng của chị T. Xét thấy: Hiện nay chị T đang đi làm có thu nhập ổn định nên chị đảm bảo điều kiện nuôi cháu K. Đồng thời, trong thời gian cháu K sống chung với chị T thì cháu K có

sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần. Do đó, để tránh thay đổi về môi trường sống, cũng như sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần của cháu K nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T về con chung.

[6] Xét về tài sản chung và các vấn đề khác: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh T1 thì không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Xét về án phí dân sự: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 của Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 5; khoản 2 Điều 92; Điều 91; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 của Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng T1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Đăng K, sinh ngày 14/11/2017 cho chị Nguyễn Thị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Hoàng T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0011763 ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***(đã ký)***

**Trương Minh Thịnh**